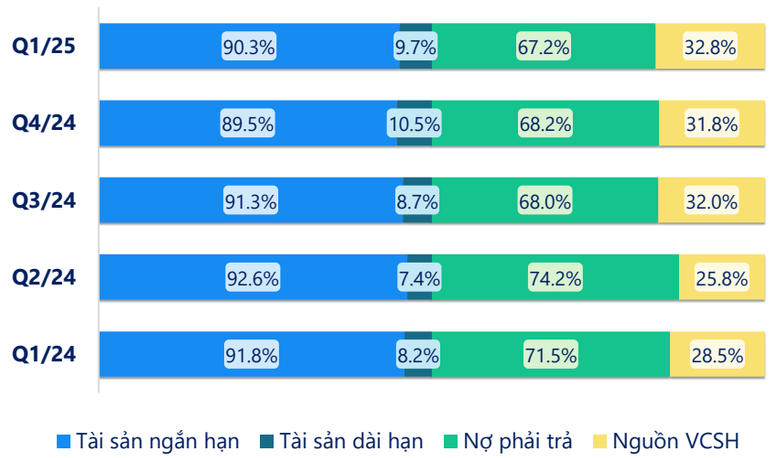
FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	15,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,820
SL cổ phiếu LH	15,092,326
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	231
P/E	10.5
EPS	1,462

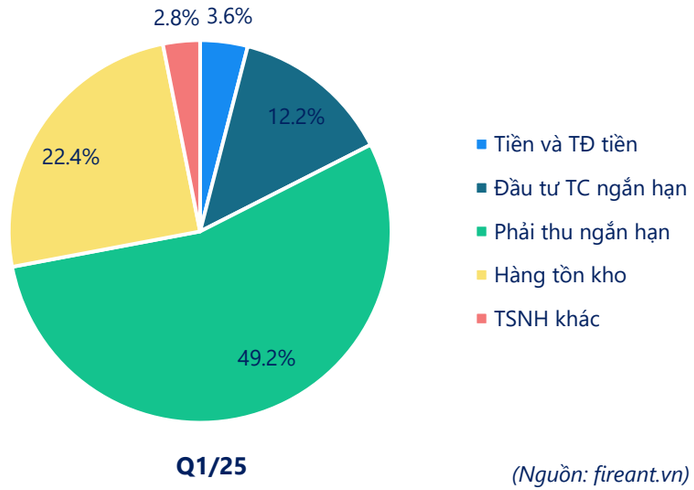
	YTD	1T	3T	6T
CCA	-10.0%	0.7%	-4.4%	2.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



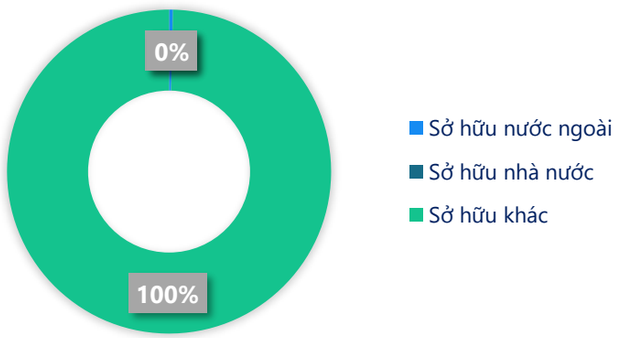
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



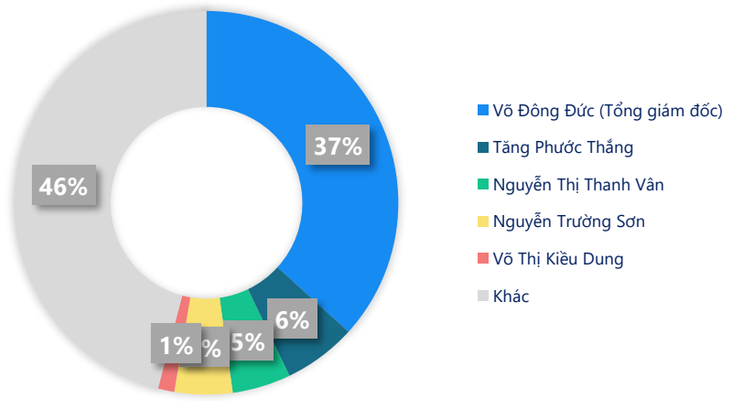
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



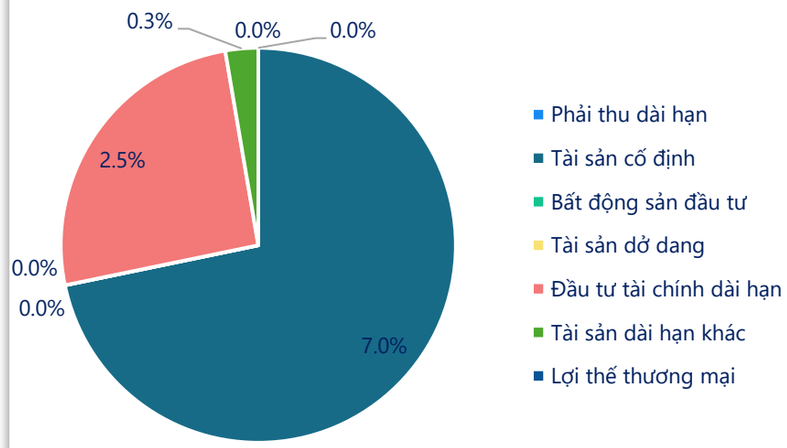
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

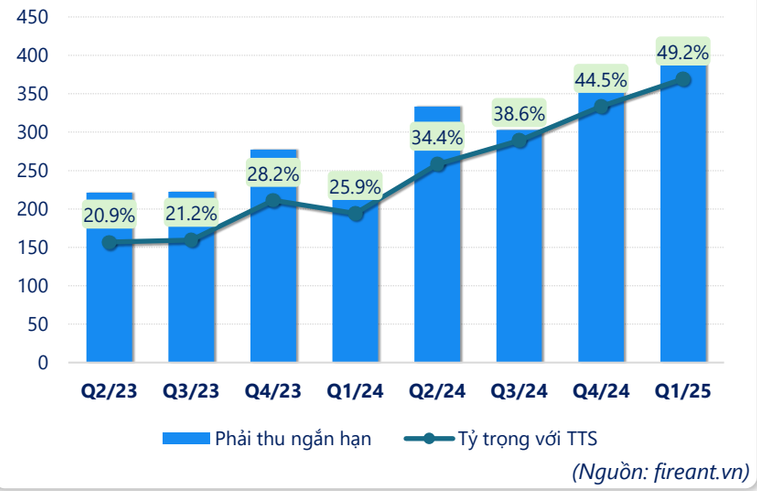
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)

Tiền và tương đương tiền



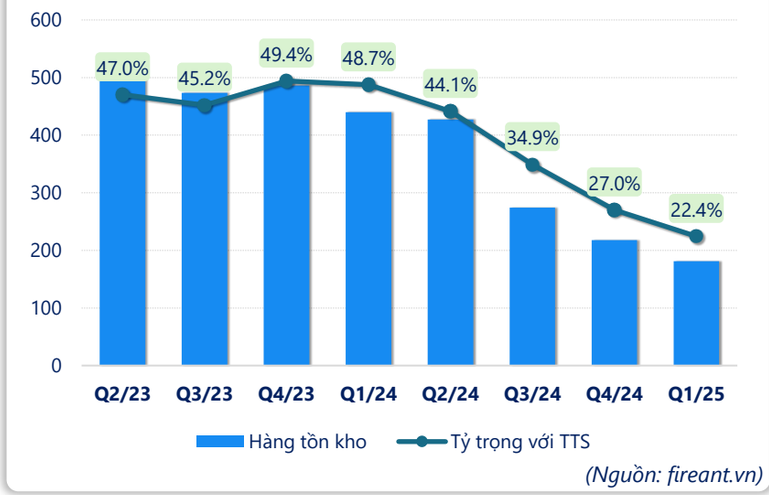
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



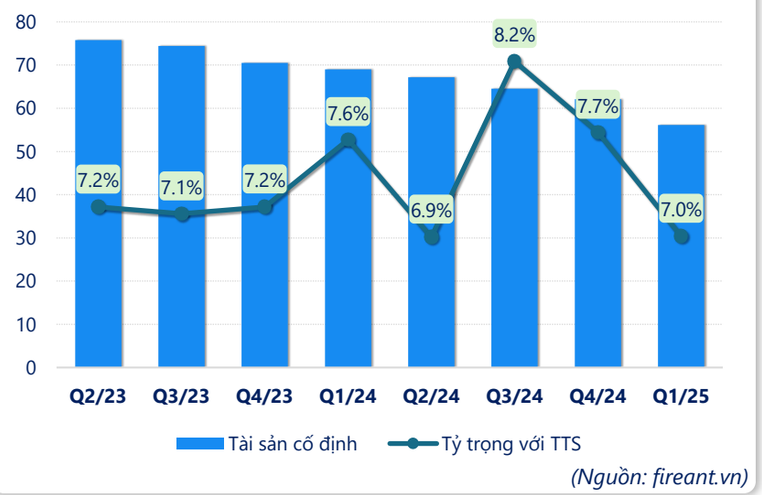
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



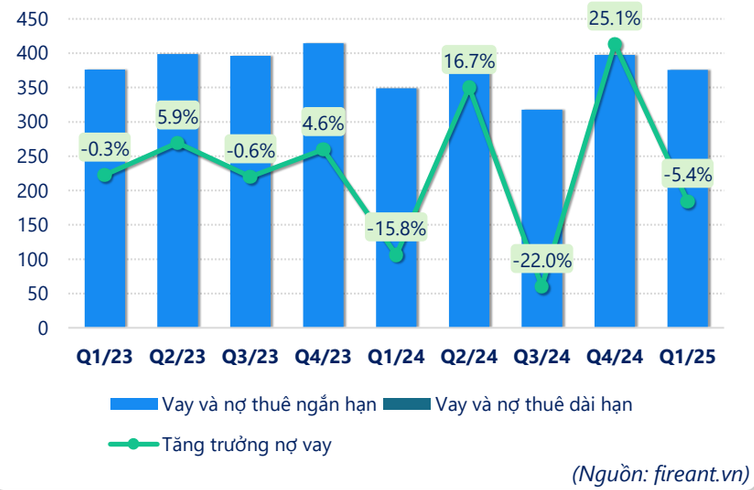
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



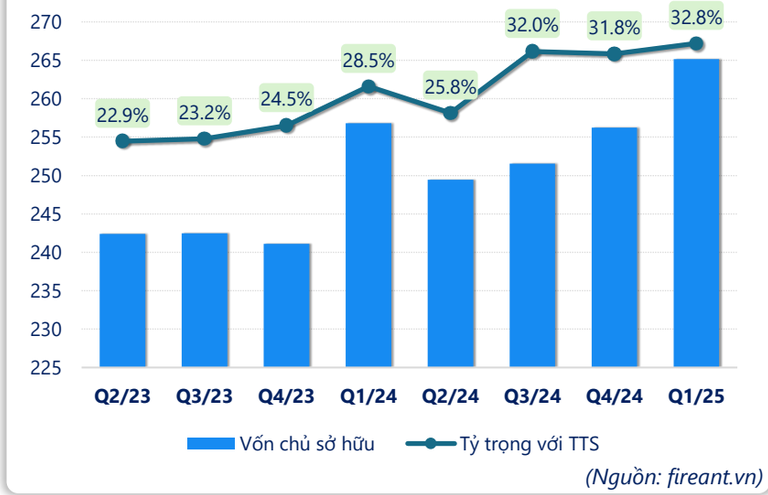
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

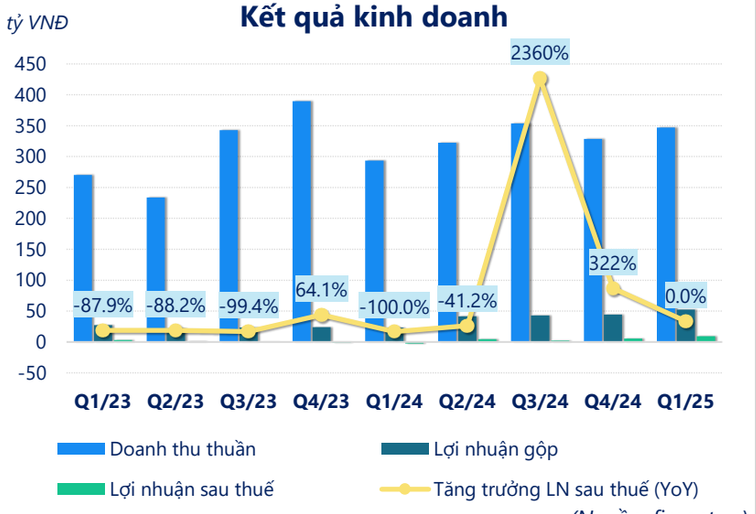


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

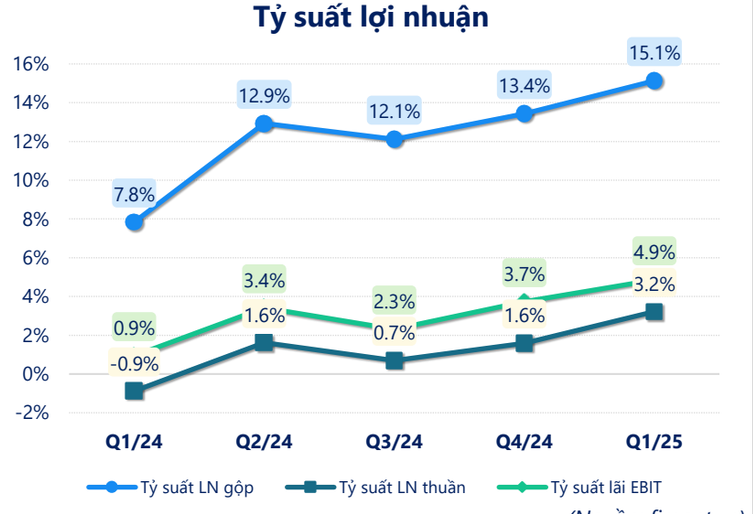
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)

Kết quả kinh doanh



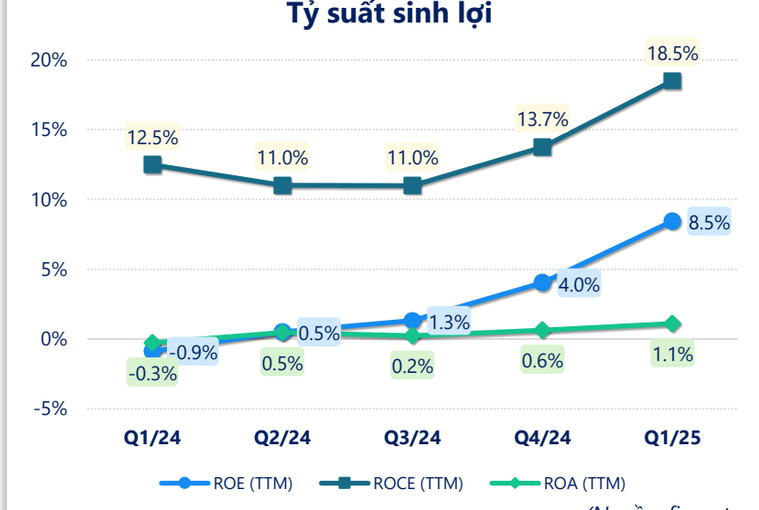
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



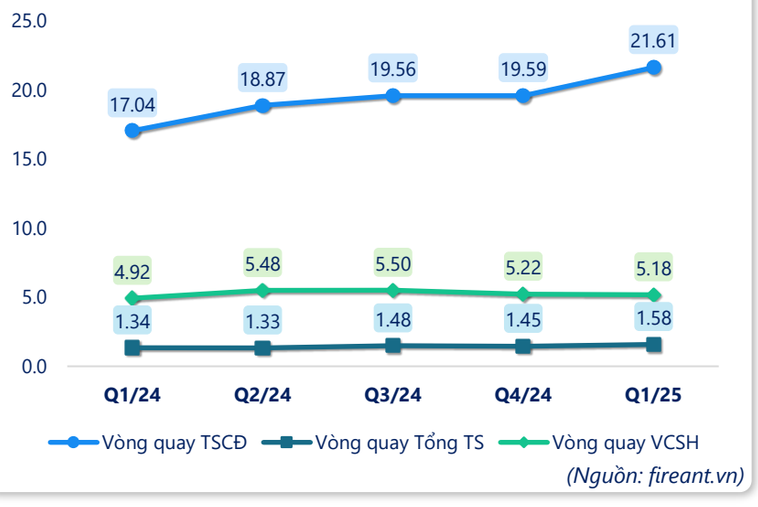
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



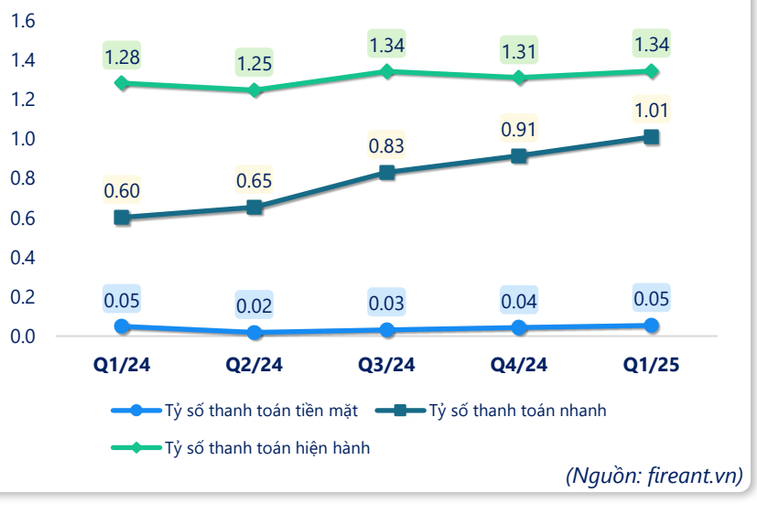
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



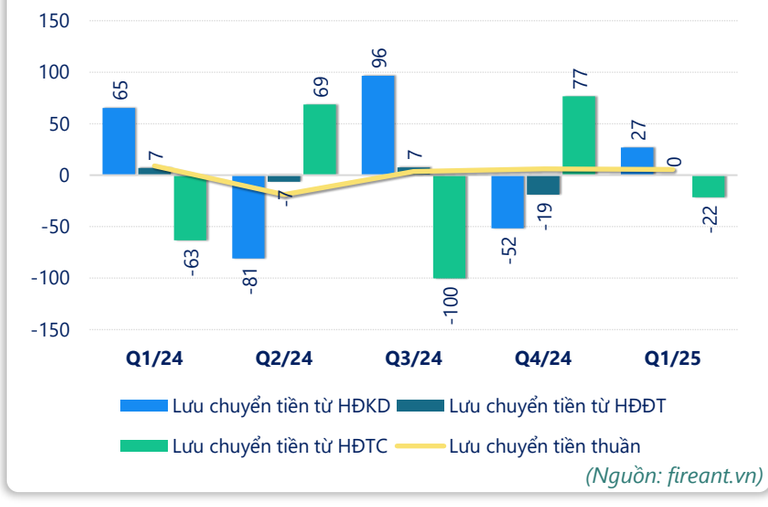
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (UPCOM: CCA)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**808**	**806**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	729	722	1.1%
Tiền và tương đương tiền	29.3	23.6	24.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	98.5	98.5	0.0%
Phải thu ngắn hạn	398	360	10.4%
Hàng tồn kho	181	218	-16.9%
Tài sản ngắn hạn khác	22.8	21.6	5.3%
Tài sản dài hạn	**78.2**	**84.0**	**-6.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	56.1	61.7	-9.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.0	20.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**2.10**	**2.24**	**-6.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	543	550	-1.4%
Nợ ngắn hạn	**543**	**550**	**-1.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	376	397	-5.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	64.6	46.4	39.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**265**	**256**	**3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**265**	**256**	**3.7%**
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	293	322	354	329	347
Giá vốn hàng bán	270	281	311	285	295
Lợi nhuận gộp	23.0	41.7	42.9	44.1	52.6
Doanh thu HĐTC	3.14	5.96	5.51	0.38	1.98
Chi phí TC	5.43	5.84	5.84	5.24	6.02
Chi phí lãi vay	5.32	5.83	5.73	5.24	5.68
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.9	35.6	38.7	32.7	35.6
Chi phí QLDN	1.37	1.04	1.36	1.32	1.72
LN thuần từ HĐKD	-2.59	5.19	2.49	5.24	11.2
Lợi nhuận khác	0.03	-0.03	-0.03	1.77	-0.02
LN trước thuế	-2.56	5.17	2.45	7.00	11.2
Lợi nhuận sau thuế	-2.56	4.76	2.09	5.72	9.50
LNST của CĐ cty mẹ	-2.56	4.76	2.09	5.72	9.50

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.4	-80.8	96.5	-51.6	26.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.84	-6.51	7.47	-18.9	0.39
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-63.2	68.5	-100	76.6	-21.5
Tiền đầu kỳ	22.3	31.3	13.3	17.0	23.6
Lưu chuyển tiền thuần	**8.99**	**-18.8**	**3.65**	**6.08**	**5.66**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.85	0	0.50	0
Tiền cuối kỳ	31.3	13.3	17.0	23.6	29.3

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic